TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/2023/QĐST- HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 27 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" giữa:

* Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 37, đường T, phường N, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Phạm Việt H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 606, đường X, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Việt H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Nhã U, sinh ngày 29/7/2019. Anh Phạm Việt H có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con cùng chị T là 10.000.000đồng/tháng (Mười triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 05 năm 2023 (Dương lịch) cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002226 ngày 13/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP Bắc Giang;
- VKS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố Bắc Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên